

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2021

Về việc: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Ngợi
2. Bà Vi Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- HNGĐ, ngày 13/10/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Giàng Thị D**, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Anh **Lò A C**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt* (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị D trình bày:

Năm 2015 chị kết hôn với anh Lò A C trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, không bị lừa dối, không bị cưỡng ép và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng với gia đình với anh Lò A C tại thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên rượu chè chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết được ly hôn với anh Lò A C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Cường có 01 con chung là Lò Minh T, sinh ngày 29/3/2016, hiện cháu đang ở cùng anh C do ông bà nội chăm sóc. Sau khi ly hôn chị đề nghị anh Lò A C là người trực tiếp nuôi con chung, chị nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 triệu đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lò A C đến để giải quyết vụ án nhưng anh C đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương ông Lò Xuân T là Trưởng thôn L, xã X cho biết, chị D và anh C đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Chị D và anh C kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị D về làm dâu sinh sống cùng với bố mẹ chồng; khoảng năm 2018 chị D và anh C đi làm công ty sau khi chị D sinh con được hai năm. Trước khi đi làm công ty chị D và anh C không có mâu thuẫn gì, từ lúc đi làm công ty thì thôn không biết, thi thoảng anh C và chị D về thăm con (đang ở cùng bố mẹ đẻ anh C), mâu thuẫn của chị D và anh C chưa được thôn bản hòa giải lần nào. Hiện nay anh C thường xuyên vắng mặt ở địa phương do đi làm công ty, anh không nói công ty ở đâu nên thôn bản và gia đình không rõ địa chỉ. Thôn và gia đình có nhận được giấy triệu tập, các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh C biết nhưng anh C không về giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Lò A C chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 70, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Giàng Thị D, cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Lò A C.

Về con chung: Giao cháu Lò Minh T, sinh ngày 29/3/2016 cho anh Lò A C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Giàng Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T

đủ 18 tuổi và chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Giàng Thị D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000071 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Chị D còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Lò A C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Giàng Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Lò A C và đề nghị giải quyết về việc ly hôn, nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án ly hôn và giao con chung. Bị đơn anh C đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã X, huyện L vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật đối với anh Lò A C, nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo thụ lý được niêm yết anh C không có yêu cầu phản tố gì, cũng không có văn bản gì về việc nêu ý kiến của mình nên Toà án không có căn cứ để xem xét. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để viết tự khai, Tòa án không lấy được lời khai của anh C; Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho anh C theo quy định của pháp luật nhưng anh C không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo quy định tại khoản 3, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C cũng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh C không đến nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Toà án cũng triệu tập anh C hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh C theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Lò A C kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm hay cãi chửi nhau, anh C thường xuyên rượu chè không quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị

Giàng Thị D và anh Lò A C đã ở mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giàng Thị D đối với anh Lò A C.

[3] Về con chung: Chị Giàng Thị D và anh Lò A C có 01 con chung là cháu Lò Minh T, sinh ngày 29/3/2016. Xét nguyện vọng của chị D, cũng như căn cứ vào kết quả xác minh tại gia đình và địa phương thấy rằng: Chị D và anh C đi làm công ty từ cuối năm 2018 đến nay, thỉnh thoảng mới về nhà một lần. Hiện nay cháu Lò Minh T đang ở với anh C nhưng do bố mẹ anh C là bà Giàng Thị P và ông Lò A L trực tiếp chăm sóc. Sau khi xem xét điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình chị D, anh C thấy hiện nay cháu Lò Minh T đang sinh sống ổn định cùng anh C, cháu được chăm sóc ăn học tốt, do đó, giao cháu Lò Minh T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1 triệu đồng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến khi cháu đủ 18 tuổi, xét thấy nguyện vọng đó là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Giàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh Lò A C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 70, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn anh Lò A C.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Minh T, sinh ngày 29/3/2016 cho anh Lò A C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Giàng Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000071 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Chị D còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Lò A C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- T.H.A dân sự huyện L;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tấn Ngợi - Vi Thị Nhâm

Hoàng Cao Tiến

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- T.H.A dân sự huyện Lâm Bình;
- UBND xã Xuân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Cao Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tấn Ngợi - Vi Thị Nhâm

Hoàng Cao Tiến